

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2023
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Phú Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Xuyên
- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, lúc 14 giờ 30 phút tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Y, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 184/30/19 Đường T1, Phường C1, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 184/30/19 Đường T1, Phường C1, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Y trình bày như sau: Bà và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/98, Quyền số HNT2 do Ủy ban nhân dân phường T2, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/02/1998. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là K(sinh ngày 08/8/1998) và H(sinh ngày 04/7/2004). Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc. Tuy nhiên tới khoảng năm 2005 thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không

hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Ông T thường xuyên nhậu nhẹt qua đêm không về nhà, khi ở nhà thường quậy phá, chửi bới vợ con. Mọi việc trong gia đình đều do một mình bà gánh vác, ông T không giúp đỡ gì mà còn thường xuyên kiếm chuyện, gây gỗ, xúc phạm bà. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã cố gắng để hàn gắn gia đình nhiều lần nhưng không được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: 02 con chung ông K(sinh ngày 08/8/1998) và ông H(sinh ngày 04/7/2004) đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày đề ngày 18/12/2022 bị đơn ông T trình bày: Ông xác nhận thời gian kết hôn và con chung như bà Y trình bày, ông không muốn ly hôn vì còn thương bà Y, không yêu cầu giải quyết con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống vợ chồng ông trước đây rất hạnh phúc, cách đây 03 năm vợ ông nghỉ việc, từ đó bà Y đi du lịch một mình, về nhà bà tự chủ động xa lánh ông, tự phân chia phòng ngủ, đi ra ngoài ông gọi điện thì chặn cuộc gọi không nghe máy. Ông cố gắng làm việc cả ngày để lo chu toàn trong gia đình, nên khi về nhà người rất mệt mỏi nên có lúc không kiềm nén được sự nóng giận, đập cửa và lớn tiếng với bà Y mục đích chỉ vì muốn cùng đi ăn chung nhưng bà Y không chịu mở cửa và trả lời. Ông đề nghị được hàn gắn để cùng lo cho con.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Y có đơn xin xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Ông T có đơn xin xử vắng mặt và mong muốn hàn gắn gia đình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn của bà Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T là phát sinh tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét bị đơn ông T có hộ khẩu thường trú tại Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/01/2022 và ngày 23/02/2023, bị đơn là ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 196, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Xét nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 07/98, quyển số HNT2, ngày 05/02/1998 do Ủy ban nhân dân phường T2, Quận M1, Tp. Hồ Chí Minh cấp thì bà Y và ông T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình qui định: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”*. Xét trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được bà Y trình bày nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Ông T thường xuyên nhậu nhẹt qua đêm không về nhà, khi ở nhà thường quậy phá, chửi bới vợ con. Mọi việc trong gia đình đều do một mình bà gánh vác, ông T không giúp đỡ gì mà còn thường xuyên kiếm chuyện, gây gỗ, xúc phạm bà, bà không có được sự tôn trọng của chồng trong gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đã cố gắng để hàn gắn gia đình nhiều lần nhưng không được nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đối với bà Y và ông T theo quy định tại Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình, mặc dù ông T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên Tòa án nhân dân Quận 3 nhận được bản tự khai đề ngày 18/12/2022 của ông T qua dịch vụ bưu chính. Ông xác nhận thời gian kết hôn và con chung như bà Y trình bày, ông không muốn ly hôn vì còn thương bà Y, không yêu cầu giải quyết con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống vợ chồng ông trước đây rất hạnh phúc, cách đây 03 năm vợ ông nghỉ việc, từ đó bà Y đi du lịch một mình, về nhà bà tự chủ động xa lánh ông, tự phân chia phòng ngủ, đi ra ngoài ông gọi điện thì chặn cuộc gọi không nghe máy. Ông cố gắng làm việc cả ngày để lo chu toàn trong gia đình, nên khi về nhà người rất mệt mỏi nên có lúc không kiềm nén được sự nóng giận, đập cửa và lớn tiếng với bà Y mục đích chỉ vì muốn cùng đi ăn chung nhưng bà Y không chịu mở cửa và trả lời. Ông đề nghị được hàn gắn để cùng lo cho con.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình qui định về tình nghĩa vợ chồng như sau: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau ...”*.

Và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình qui định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được....”.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng bà Y và ông T thực sự không sống chung cùng nhau. Ông T không muốn ly hôn, muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, tuy nhiên ông không thu xếp công việc để đến Tòa án cùng nhau giải quyết mâu thuẫn của hai bên, cùng nhau đưa ra phương hướng và cách thức để hàn gắn đoàn tụ gia đình, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông T và nhận thấy cả hai không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ gia đình, yêu cầu ly hôn của bà Y là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: có 02 con chung tên K(sinh ngày 08/8/1998) và H(sinh ngày 04/7/2004) đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 196, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210, Điều 227, Điều 238, khoản 1 và khoản 2 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Y được ly hôn với ông T.

- Về con chung: hai con chung tên K(sinh ngày 08/8/1998) và H(sinh ngày 04/7/2004) đã trưởng thành nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng bà Y phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Y đã nộp theo biên lai số AA/2021/0007574 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà Y đã nộp đủ án phí.

3. Quan hệ hôn nhân của bà Y và ông T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/98, quyển số HNT2, ngày 05/02/1998 do Ủy ban nhân dân phường T2, Quận M1, Tp. Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật .

4. Về quyền kháng cáo: Bà Y và ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- UBND P.Bến Thành, Q.1;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Phú Oanh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**